

Số: /GPMT-UBND Mê Linh, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm dân cư nông thôn xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (điểm thôn Thanh Vân)” kèm theo Văn bản số 205/PTQĐ-HC ngày 15/4/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 742/TTr-NNMT ngày 28/05/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh, địa chỉ tại xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm dân cư nông thôn xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (điểm thôn Thanh Vân) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm dân cư nông thôn xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (điểm thôn Thanh Vân).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh được thành lập theo quyết

định số 3440/QĐ-UBND ngày 05/06/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0107954859.

1.5. Loại hình hoạt động: Dự án đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên khu đất quy hoạch TMB 59.710 m² được UBND huyện Mê Linh phê duyệt theo Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500.

- Quy mô: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm dân cư nông thôn xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (điểm thôn Thanh Vân), với quy mô dự kiến như sau:

Tổng diện tích khu đất: 59.710 m², trong đó:

+ Đất công trình công cộng: 2.566m² (chiếm 4,30%). Mật độ xây dựng chung khoảng 40%, cao 01÷02 tầng;

+ Đất cây xanh, thể dục thể thao: 16.835m² (chiếm 28,19%);

+ Đất ở: 22,835m² (chiếm 38,24%);

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 17.474m² (chiếm 29,27%).

+ Quy mô dân số 408 người, 102 hộ dân.

- Chủ dự án đầu tư: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh và đơn vị tiếp nhận, sử dụng dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Mê Linh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải báo cáo đến UBND huyện Mê Linh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày/05/2025 đến ngày/05/2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Thanh Lâm và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (để b/c);
- Phòng NN&MT;
- Cổng Thông tin điện tử huyện Mê Linh;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh (t/hiện);
- UBND xã Thanh Lâm;
- CPVP;
- Lưu: VT, TNMT. (Trang05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hoài

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của UBND huyện Mê Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nước thải sinh hoạt từ các công trình tại các ô đất nhà ở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí cửa xả nước thải (theo tọa độ VN – 2000):

$$X = 2\ 347\ 323; \quad Y = 574\ 338$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đạt Quy chuẩn 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị GHCP của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0)
1	pH	–	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5.000

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-

BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước:

- Quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh (xí, tiêu) của các hộ dân, khu công cộng được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi công trình; nước thải nhà bếp được thu gom qua thiết bị tách mỡ; nước thải tắm, rửa, lau sàn qua thiết bị tách rác → Bể thu gom → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm trên địa bàn xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày.đêm;

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: khoảng 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn về 01 điểm xả nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng đảm bảo vận hành thường xuyên,

hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của UBND huyện Mê Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: Khí thải sau xử lý từ hệ thống xử lý khí (mùi) của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.1.1. Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau xử lý lên trên mái của nhà điều hành có độ cao 0,7m so với mái.

- Tọa độ xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

$$X = 2\ 304\ 959 \qquad Y = 560\ 528.$$

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 700m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: liên tục (24 giờ).

2.1.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Không yêu cầu về chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường do chưa có quy chuẩn kỹ thuật so sánh về mùi.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom: Khí thải từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải được theo đường ống thu khí về thiết bị xử lý mùi, khí thải sau xử lý theo ống thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → ống DN110 → Thiết bị xử lý mùi → Quạt hút → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế của quạt hút: 0,35kW.

- Thiết kế thiết bị xử lý mùi: Kích thước LxH = 1.200mm x 2.400mm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, tần suất thay thế 06 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ
CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của UBND huyện Mê Linh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	10
2	Bóng đèn led, Linh kiện, thiết bị điện tử hỏng	16 01 13	40
3	Bao bì thuốc diệt côn trùng	15 01 10	20
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30
5	Than hoạt tính	12 01 04	150
	Tổng		250

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải thông thường phát sinh: khoảng 227 kg/ngày tương đương 82.855 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng nhựa, có nắp đậy, thể tích mỗi thùng 120 lít.
- CTNH được lưu giữ tại khu vực lưu chứa CTNH rộng 5 m². CTNH sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa riêng biệt dung tích 120 lít có nắp đậy. Chủ dự án chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; ký hợp đồng, chuyển giao chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom tùy thuộc số lượng phát sinh, tối thiểu 1 năm/lần. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải, sàn bê tông xi măng, có mái che, cửa ra vào.
- Chất thải sinh hoạt được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom hằng ngày.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có. Dự án hợp đồng với

đơn vị đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải thông thường và chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Quản lý chất thải rắn theo đúng quy định tại điểm b, d, khoản 1, Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với CTNH phải thực hiện lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của UBND huyện Mê Linh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

2. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

3. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Toàn bộ nước thải sản xuất, sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn, trước khi xả vào hệ thống thoát nước của khu vực.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

